

Số: 86/NQ-HĐND

Hòa Bình, ngày 22 tháng 01 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích thực hiện dự án Khu điều hành và bãi chứa thành phẩm phục vụ khai thác mỏ nguyên vật liệu sét tại xã Khoan Dụ, xã Đồng Tâm, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Xét Tờ trình số 192/TTr-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích thực hiện xây dựng dự án Khu điều hành và bãi chứa thành phẩm phục vụ khai thác mỏ nguyên vật liệu sét tại xã Khoan Dụ, xã Đồng Tâm, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích thực hiện dự án Khu điều hành và bãi chứa thành phẩm phục vụ khai thác mỏ nguyên vật liệu sét tại xã Khoan Dụ, xã Đồng Tâm, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình, như sau:

- Tên dự án: Khu điều hành và bãi chứa thành phẩm phục vụ khai thác mỏ nguyên vật liệu sét.
- Tổng diện tích chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng: **7,45 ha**
- Địa điểm; vị trí chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng:
 - Địa điểm: Xã Khoan Dụ, xã Đồng Tâm, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

b) Vị trí: Tiểu khu 235, khoảnh 5 có 9 lô, khoảnh 7 có 5 lô; tiểu khu 239, khoảnh 13 có 6 lô, khoảnh 20 có 1 lô.

(Kèm theo Biểu chi tiết Khu vực chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng; trích lục từ Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng tại Quyết định số 3042/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt Kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2017-2025, định hướng đến năm 2030).

4. Chức năng rừng: Quy hoạch rừng sản xuất 6,9 ha; ngoài quy hoạch 3 loại rừng 0,55 ha.

5. Loại rừng hiện nay: Rừng trồng và đất chưa có rừng

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017 và các quy định của pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, hiện trạng rừng tại hồ sơ trình; báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án nêu tại Điều 1.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình Khóa XVII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 22 tháng 01 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua. /.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- UBND tỉnh (CT, các PCT);
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, KH&ĐT, TN&MT;
- HĐND, UBND Lạc Thủy;
- Lãnh đạo VP ĐDBQH&HĐND tỉnh;
- TT tin học và Công báo VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình;
- Lưu: VT, CTHĐND (Ha).

CHỦ TỊCH

Bùi Đức Hình

BIỂU VỊ TRÍ, HIỆN TRẠNG, DIỆN TÍCH KHU VỰC CHỦ TRƯỞNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU ĐIỀU HÀNH VÀ BÃI CHỨA THÀNH PHẨM PHỤC VỤ KHAI THÁC MỎ NGUYÊN VẬT LIỆU SÉT TẠI XÃ KHOAN DỤ VÀ XÃ ĐỒNG TÂM, HUYỆN LẠC THỦY, TỈNH HÒA BÌNH

(Kèm theo Nghị Quyết số 86/NQ-HĐND ngày 22 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)

Số TT	TK	K	L	Quy hoạch 3 loại rừng	Tổng cộng (ha)	Thông tin về lô rừng										Đất chưa có rừng		Ghi chú
						Diện tích đất có rừng (ha)	Rừng tự nhiên				Rừng trồng					Diện tích (ha)	Trạng thái	
							Diện tích (ha)	Trạng thái	Trữ lượng gỗ (m3/lô)	Trữ lượng tre nứa (cây/lô)	Diện tích (ha)	Trạng thái	Trữ lượng gỗ (m3/lô)	Cây trồng	Năm trồng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
I	Xã Khoan Dụ				3,91	0,32					0,32		14,72			3,59		
1	235	5	22	nqh	0,18											0,18	nn	NG3LR
2	235	5	22	nqh	0,13											0,13	dt1	NG3LR
3	235	5	76	nqh	0,04											0,04	dt1	NG3LR
4	235	5	77	sx	0,10											0,10	dt1	
5	235	5	78	nqh	0,09											0,09	dt1	NG3LR
6	235	5	90	sx	0,22											0,22	dt1	
7	235	5	92	sx	0,97											0,97	dt1	
8	235	5	93	sx	0,20											0,20	dt1	
9	235	5	94	sx	0,54											0,54	dt1	
10	235	7	1	sx	0,52											0,52	dt1	
11	235	7	2	nqh	0,09											0,09	dt1	NG3LR
12	235	7	3	sx	0,32	0,32					0,32	rtg	14,72	Keo	2017			
13	235	7	33	nqh	0,02											0,02	dt1	NG3LR
14	235	7	5a	sx	0,49											0,49	dtr	

Số TT	TK	K	L	Quy hoạch 3 loại rừng	Tổng cộng (ha)	Thông tin về lô rừng										Đất chưa có rừng		Ghi chú
						Diện tích đất có rừng (ha)	Rừng tự nhiên				Rừng trồng					Diện tích (ha)	Trạng thái	
							Diện tích (ha)	Trạng thái	Trữ lượng gỗ (m3/lô)	Trữ lượng tre nứa (cây/lô)	Diện tích (ha)	Trạng thái	Trữ lượng gỗ (m3/lô)	Cây trồng	Năm trồng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
II	Xã Đồng Tâm				3,54	0,13					0,13		5,98			3,41		
1	239	13	45	sx	0,03	0,03					0,03	rtg	1,38	Keo	2017			
2	239	13	46	sx	0,15											0,15	dtr	
3	239	13	47	sx	2,85											2,85	dt1	
4	239	13	59	sx	0,28											0,28	dtr	
5	239	13	60	sx	0,10	0,10					0,10	rtg	4,60	Keo	2017			
6	239	13	61	sx	0,03											0,03	dt1	
7	239	20	1c	sx	0,10											0,10	dt1	
Tổng cộng (I+II)					7,45	0,45					0,45		20,7			7,00		

Ghi chú:

1) Tổng diện tích chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác 7,45 ha gồm: 6,90 ha rừng sản xuất; 0,55 ha đã điều chỉnh ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng theo Quyết định 3042/QĐ-UBND hiện trạng đất không có rừng. Hiện trạng có 0,45 ha rừng trồng keo năm 2017, trữ lượng 20,7 m³; 7,0 ha đất chưa có rừng;

2) Chữ viết tắt: TK (tiểu khu); K (khoảnh); L (lô); rtt (rừng trồng tre, nứa); rtg (rừng trồng); dt1 (đất trồng), dtr (đất trồng rừng), dkh (đất khác), dt2d (đất núi đá), nqh (ngoài quy hoạch), sx (quy hoạch rừng sản xuất), NG3LR (nguồn gốc 3 loại rừng).

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ BÌNH